

UBND TỈNH KIÊN GIANG  
**SỞ XÂY DỰNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2368/CB-SXD

Kiên Giang, ngày 07 tháng 9 năm 2023

### **CÔNG BỐ**

#### **Giá vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và giá vật liệu xây dựng bán tại nơi sản xuất tháng 08 năm 2023;**

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Công văn số 6338/VP-KT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền công bố chỉ số giá xây dựng, giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ giá vật liệu xây dựng do các địa phương địa bàn tỉnh Kiên Giang cung cấp;

Căn cứ thông báo, đề nghị công bố giá vật liệu của các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất từ ngày 01 đến ngày 31 tháng 8 năm 2023. Giá cụ thể từng loại vật liệu đính kèm theo công bố này gồm các phụ lục sau:

- Phụ lục số 1/VLXD: Giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Rạch Giá;
- Phụ lục số 2/VLXD: Giá trang thiết bị nội thất gắn với công trình trên địa bàn thành phố Rạch Giá;
- Phụ lục số 3/VLXD: Giá vật liệu xây dựng bán tại nơi sản xuất.
- Kèm theo Giá vật liệu xây dựng tại các địa phương.

Giá vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất tại phụ lục kèm theo công bố này được cập nhật, tổng hợp từ giá đã hình thành mua bán trên thị trường, từ các thông tin của nhà cung cấp, nhà sản xuất. Đối với công trình đầu tư xây dựng từ nguồn vốn nhà nước, giá vật liệu xây dựng áp dụng lập, thẩm định, phê duyệt dự toán là giá thấp nhất. Giá vật liệu xây dựng kèm theo công bố này là một kênh thông tin để các tổ chức, cá nhân tham khảo và sử dụng trong quá trình lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định 10/2021/NĐ-CP, không dùng để thanh toán, quyết toán.

Trường hợp vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị không có trong Phụ lục kèm theo Công bố giá này hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị được xác định trên cơ sở: Lựa chọn mức giá phù hợp giữa các báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu xây dựng (không áp dụng đối với các loại vật liệu lần đầu xuất hiện trên thị trường và chỉ có duy nhất trên thị trường Việt Nam) đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ dự kiến, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu; hoặc

tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự đã được sử dụng ở công trình khác.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để được xem xét, hướng dẫn theo quy định.

Giá vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội thất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang theo địa chỉ: <https://sxd.kiengiang.gov.vn>.

*Ghi chú: Các đơn vị có yêu cầu công bố giá bán sản phẩm VLXD liên hệ phòng Quản lý Xây dựng, điện thoại 02973 811835 (email: [xdcbstd@gmail.com](mailto:xdcbstd@gmail.com)).*

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước KG;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trang thông tin điện tử Sở Xây dựng;
- Lưu VT, P. QLXD, bthoanh.



**KT. GIÁM ĐỐC** *(Handwritten signature)*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Ngọc Lân**

# PHỤ LỤC 1

## CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÁNG 08/2023 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Kèm theo công bố số: 2368/CB-SXD ngày 07/09/2023

| SỐ TT | LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG  | Đơn vị tính | Tiêu chuẩn kỹ thuật/ quy cách/ nhà sản xuất/ xuất xứ                          | Giá tháng 08 trước thuế VAT |
|-------|---|-------------|---|-----------------------------|
|       | Bộ đèn LED MB-3135 50W tấm pin năng lượng mặt trời liền thể với đèn 15AH-20AH-25AH (Chip: Lumiled Philips) (TCVN 7722-1:2017) | Cái         | <i>Cty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (Giá bán tại công trình)</i> | 2.428.800                   |
|       | Bộ đèn LED MB-3340 80W tấm pin năng lượng mặt trời liền thể với đèn 15AH-20AH-25AH (Chip: Lumiled Philips) (TCVN 7722-1:2017) | "           |   | 2.552.000                   |
|       | Đèn Led đường phố A-WIN MAX -100W, DIM 5 cấp, DALI  | "           |   | 4.136.000                   |
|       | Đèn Led đường phố A-WIN MAX -150W, DIM 5 cấp, DALI  | "           |   | 5.177.392                   |
|       | Đèn Led đường phố A-WIN MAX -200W, DIM 5 cấp, DALI  | "           |   | 6.371.552                   |
|       | Cột đèn sân, vườn Thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m (TCCS 01:2018/CSMB)  | "           |   | 5.159.000                   |
|       | Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm (TCCS 01:2018/CSMB)                                      | "           |   | 624.000                     |
|       | Cột thép - Thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 4m, bích 300x300 (TCCS 01:2018/CSMB)          | "           |   | 2.310.000                   |
|       | Cần đèn - Cần đơn MB01-D (TCCS 01:2018/CSMB)  | "           |   | 1.619.800                   |
|       | Cần đèn - Cần kép MB01-K (TCCS 01:2018/CSMB)  | "           |   | 2.233.000                   |